

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện       | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính             | Địa chỉ                                                             | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | AN GIANG         |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | Tỉnh An Giang    | TAND tỉnh An Giang             | Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang   | Số 8 Nguyễn Công Trứ, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang                |         |
|     | Tỉnh Kiên Giang  |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | Tp. Rạch Giá     | TAND khu vực 1 - An Giang      | Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang   | Số 906A Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang           |         |
|     | H. Kiên Hải      |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | Tp. Phú Quốc     | TAND khu vực 2 - An Giang      | Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang  | Số 74 đường 30/4, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang                   |         |
|     | H. Tân Hiệp      | TAND khu vực 3 - An Giang      | Xã Châu Thành, tỉnh An Giang     | Số 499, xã Châu Thành, tỉnh An Giang                                |         |
|     | H. Châu Thành    |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | H. Hòn Đất       | TAND khu vực 4 - An Giang      | Xã Hòn Đất, tỉnh An Giang        | Khu phố đường Hòn, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang                        |         |
|     | H. Giồng Riềng   | TAND khu vực 5 - An Giang      | Xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang    | Số 12 khu phố 3, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang                      |         |
|     | H. Gò Quao       |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | H. U Minh Thượng | TAND khu vực 6 - An Giang      | Xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang  | Áp Công sự, xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang                         |         |
|     | H. Vĩnh Thuận    |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | H. An Biên       | TAND khu vực 7 - An Giang      | Xã An Biên, tỉnh An Giang        | Khu phố 2, xã An Biên, tỉnh An Giang                                |         |
|     | H. An Minh       |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | Tp. Hà Tiên      | TAND khu vực 8- An Giang       | Xã Kiên Lương, tỉnh An Giang     | Trần Hưng Đạo, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang                         |         |
|     | H. Kiên Lương    |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | H. Giang Thành   |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | Tp. Long Xuyên   | TAND khu vực 9 - An Giang      | Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang | Số 63 Bùi Văn Danh, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang                |         |
|     | H. Thoại Sơn     | TAND khu vực 10 - An Giang     | Xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang      | Số 3 Nguyễn Văn Trỗi, khóm Đông Sơn 2, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang  |         |
|     | H. Châu Thành    |                                |                                  |                                                                     |         |
|     | H. Chợ Mới       | TAND khu vực 11 - An Giang     | Xã Chợ Mới, tỉnh An Giang        | Đường Trần Hưng Đạo nối dài, ấp Long Hòa, Xã Chợ Mới, tỉnh An Giang |         |

| STT | Tỉnh/huyện                  | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính           | Địa chỉ                                                               | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | AN GIANG                    |                                |                                |                                                                       |         |
|     | H. Phú Tân                  | TAND khu vực 12 - An Giang     | Xã Phú Tân, tỉnh An Giang      | Số 137 Hải Thượng Lãn Ông, khóm Thượng 2, xã Phú Tân, tỉnh An Giang   |         |
|     | H. Châu Đốc<br>H. Châu Phú  | TAND khu vực 13 - An Giang     | Phường Châu Đốc, tỉnh An Giang | Số 18 Lê Lợi, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang                          |         |
|     | Tx. Tịnh Biên<br>H. Tri Tôn | TAND khu vực 14 - An Giang     | Phường Thới Sơn, tỉnh An Giang | Khóm Sơn Đông, phường Thới Sơn, tỉnh An Giang                         |         |
|     | H. An Phú<br>Tx. Tân Châu   | TAND khu vực 15 - An Giang     | Phường Tân Châu, tỉnh An Giang | Số 152 Tôn Đức Thắng, khóm Long Thị D, phường Tân Châu, tỉnh An Giang |         |



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính              | Địa chỉ                                                                  | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2   | BẮC NINH                                       |                                |                                   |                                                                          |         |
|     | Tỉnh Bắc Giang<br>Tỉnh Bắc Ninh                | TAND tỉnh Bắc Ninh             | Phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh    | Tổ dân phố An Phong, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh                      |         |
|     | Tp. Bắc Giang                                  | TAND khu vực 1- Bắc Ninh       | Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh   | Số 62 Xương Giang, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh                       |         |
|     | Tx. Việt Yên<br>H. Hiệp Hòa                    | TAND khu vực 2- Bắc Ninh       | Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh    | Số 8 Dương Quốc Cơ, tổ dân phố Dục Quang, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh |         |
|     | H. Tân Yên<br>H. Yên Thế                       | TAND khu vực 3- Bắc Ninh       | Xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh         | Phố Mới, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh                                       |         |
|     | H. Lục Nam<br>H. Lạng Giang                    | TAND khu vực 4- Bắc Ninh       | Xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh         | Tổ dân phố Bình Minh, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh                          |         |
|     | Tx. Chũ<br>H. Lục Ngạn<br>H. Sơn Động          | TAND khu vực 5- Bắc Ninh       | Phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh         | Tổ dân phố Trần Phú, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh                           |         |
|     | Tp. Bắc Ninh                                   | TAND khu vực 6- Bắc Ninh       | Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh    | Số 46 Nguyễn Gia thiều, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh                   |         |
|     | H. Yên Phong<br>TP. Từ Sơn                     | TAND khu vực 7- Bắc Ninh       | Phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh      | Lê Quang Đạo, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh                               |         |
|     | Tx. Quế Võ<br>H. Tiên Du                       | TAND khu vực 8- Bắc Ninh       | Phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh      | Khu phố 3, phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh                                  |         |
|     | Tx. Thuận Thành<br>H. Gia Bình<br>H. Lương Tài | TAND khu vực 9- Bắc Ninh       | Phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh | Số 71 Âu Cơ, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh                           |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT      | Tỉnh/huyện                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính          | Địa chỉ                                                     | Ghi chú |
|----------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------|
| <b>3</b> | <b>CÀ MAU</b>                  |                                |                               |                                                             |         |
|          | Tỉnh Cà Mau<br>Tỉnh Bạc Liêu   | TAND tỉnh Cà Mau               | Phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau | Số 301 Tôn Đức Thắng, khóm 8, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau |         |
|          | Tp. Cà Mau                     | TAND khu vực 1 - Cà Mau        | Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau  | Số 81 Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau               |         |
|          | H. Thới Bình<br>H. U Minh      | TAND khu vực 2 - Cà Mau        | Xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau     | Khóm 3, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau                           |         |
|          | H. Trần Văn Thời<br>H. Phú Tân | TAND khu vực 3 - Cà Mau        | Xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau | Đường 19/5, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau                   |         |
|          | H. Cái Nước<br>H. Đầm Dơi      | TAND khu vực 4 - Cà Mau        | Xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau       | Số 7 Trần Văn Hy, khóm 1, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau           |         |
|          | H. Năm Căn<br>H. Ngọc Hiển     | TAND khu vực 5 - Cà Mau        | Xã Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau     | Khóm 8, xã Phan Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau                      |         |
|          | Tp. Bạc Liêu                   | TAND khu vực 6- Cà Mau         | Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau  | Số 81 Bà Triệu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau                |         |
|          | H. Hòa Bình<br>H. Vĩnh Lợi     | TAND khu vực 7- Cà Mau         | Xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau      | Ấp Thị trấn A, xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau                     |         |
|          | H. Đông Hải<br>Tx. Giá Rai     | TAND khu vực 8- Cà Mau         | Phường Giá Rai, tỉnh Cà Mau   | Khóm 1, phường Giá Rai, tỉnh Cà Mau                         |         |
|          | H. Hồng Dân<br>H. Phước Long   | TAND khu vực 9- Cà Mau         | Xã Phước Long, tỉnh Cà Mau    | Ấp Hành Chính, Xã Phước Long, tỉnh Cà Mau                   |         |



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 114/QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                    | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính            | Địa chỉ                                                 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
| 4   | CAO BẰNG                      |                                |                                 |                                                         |         |
|     | Tỉnh Cao Bằng                 | TAND tỉnh Cao Bằng             | Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng | Số 56 Hoàng Đình Giông, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng |         |
|     | H. Hòa An<br>Tp. Cao Bằng     | TAND khu vực 1 - Cao Bằng      | Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng | Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng                         |         |
|     | H. Quảng Hòa<br>H. Thạch An   | TAND khu vực 2 - Cao Bằng      | Xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng    | Hòa Trung, Xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng                 |         |
|     | H. Trùng Khánh<br>H. Hạ Lang  | TAND khu vực 3 - Cao Bằng      | Xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng   | Tổ dân phố 4, xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng             |         |
|     | H. Nguyên Bình<br>H. Hà Quảng | TAND khu vực 4 - Cao Bằng      | Xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng     | Tổ Xuân Đại, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng                |         |
|     | H. Bảo Lạc<br>H. Bảo Lâm      | TAND khu vực 5 - Cao Bằng      | Xã Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng       | Tổ dân phố 2 , xã Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng                |         |

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-TANDTC ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                   | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                  | Địa chỉ                                                | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
| 5   | ĐẮK LẮK                      |                                |                                       |                                                        |         |
|     | Tỉnh Đắk Lắk<br>Tỉnh Phú Yên | TAND tỉnh Đắk Lắk              | Phường Buôn Ma Thuột,<br>tỉnh Đắk Lắk | Số 4 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk       |         |
|     | Tp. Buôn Ma Thuột            | TAND khu vực 1- Đắk Lắk        | Phường Buôn Ma Thuột,<br>tỉnh Đắk Lắk | Số 3 Lý Nam Đế, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk     |         |
|     | H. Ea Súp<br>H. Buôn Đôn     | TAND khu vực 2- Đắk Lắk        | Xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk               | Số 181 Hùng Vương, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk             |         |
|     | H. Cư M'Gar                  | TAND khu vực 3- Đắk Lắk        | Xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk            | Số 139 Hùng Vương, Xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk          |         |
|     | H. Krông Pắc                 | TAND khu vực 4- Đắk Lắk        | Xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk            | Số 271 Giải Phóng, xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk          |         |
|     | H. Krông Ana<br>H. Cư Kuin   | TAND khu vực 5- Đắk Lắk        | Xã Dray Bhăng, tỉnh Đắk Lắk           | Xã Dray Bhăng, Tỉnh Đắk Lắk                            |         |
|     | H. Lắk<br>H. Krông Bông      | TAND khu vực 6- Đắk Lắk        | Xã Liên Sơn Lắk, tỉnh Đắk Lắk         | Số 227 Nguyễn Tất Thành, xã Liên Sơn Lắk, tỉnh Đắk Lắk |         |
|     | H. Ea Kar<br>H. M'Drăk       | TAND khu vực 7- Đắk Lắk        | Xã EaKar, tỉnh Đắk Lắk                | Số 152 Nguyễn Tất Thành, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk       |         |
|     | H. Krông Búk<br>H. Buôn Hồ   | TAND khu vực 8- Đắk Lắk        | Phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk          | Số 480 Hùng Vương, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk        |         |
|     | H. Ea H'Leo                  | TAND khu vực 9- Đắk Lắk        | Xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk             | Số 20 Điện Biên Phủ, xã EaDrăng, tỉnh Đắk Lắk          |         |
|     | H. Krông Năng                | TAND khu vực 10- Đắk Lắk       | Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk           | Số 109 Nguyễn Tất Thành, xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk   |         |
|     | Tp. Tuy Hòa                  | TAND khu vực 11- Đắk Lắk       | Phường Tuy Hoà, tỉnh Đắk Lắk          | Số 80 Nguyễn Huệ, phường Tuy Hòa, Đắk Lắk              |         |



| STT | Tỉnh/huyện                                | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính          | Địa chỉ                                     | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|---------|
| 5   | ĐẮK LẮK                                   |                                |                               |                                             |         |
|     | Tx. Đông Hòa                              | TAND khu vực 12- Đắk Lắk       | Phường Đông Hoà, tỉnh Đắk Lắk | Khu phố 3, phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk    |         |
|     | H. Tây Hòa<br>H. Phú Hòa                  | TAND khu vực 13- Đắk Lắk       | Xã Tây Hoà, tỉnh Đắk Lắk      | Đường NB2, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk         |         |
|     | H. Đồng Xuân<br>Tx. Sông Cầu<br>H. Tuy An | TAND khu vực 14- Đắk Lắk       | Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk   | Số 31 Trần Phú, xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk |         |
|     | H. Sơn Hòa<br>H. Sông Hinh                | TAND khu vực 15- Đắk Lắk       | Xã Sông Hinh, tỉnh Đắk Lắk    | Số 74 Trần Phú, xã Sông Hinh, tỉnh Đắk Lắk  |         |

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 114/QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                        | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                    | Địa chỉ                                           | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 6   | ĐIỆN BIÊN                         |                                |                                         |                                                   |         |
|     | Tỉnh Điện Biên                    | TAND tỉnh Điện Biên            | Phường Mường Thanh,<br>tỉnh Điện Biên   | Bản Noong Bua, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên |         |
|     | Tp. Điện Biên Phủ<br>H. Mường Ảng | TAND khu vực 1 - Điện Biên     | Phường Điện Biên Phủ,<br>tỉnh Điện Biên | Số 13 tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên |         |
|     | H. Điện Biên<br>H. Điện Biên Đông | TAND khu vực 2 - Điện Biên     | Phường Mường Thanh,<br>tỉnh Điện Biên   | Pú Tầu, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên        |         |
|     | H. Tòa Chùa<br>H. Tuần Giáo       | TAND khu vực 3 - Điện Biên     | Xã Tuần Giáo, tỉnh Điện<br>Biên         | Khởi Tân Giang, xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên      |         |
|     | Tx. Mường Lay<br>H. Mường Chà     | TAND khu vực 4 - Điện Biên     | Xã Na Sang, tỉnh Điện<br>Biên           | Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên                        |         |
|     | H. Mường Nhé<br>H. Nậm Pồ         | TAND khu vực 5 - Điện Biên     | Xã Nà Hỳ, tỉnh Điện<br>Biên             | Bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên             |         |



## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT      | Tỉnh/huyện                                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính             | Địa chỉ                                                           | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>7</b> | <b>ĐỒNG NAI</b>                                |                                |                                  |                                                                   |         |
|          | Tỉnh Bình Phước<br>Tỉnh Đồng Nai               | TAND tỉnh Đồng Nai             | Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai  | Số 310 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai |         |
|          | Tp. Biên Hòa                                   | TAND khu vực 1- Đồng Nai       | Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai  | Số 1 Nguyễn Du, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai                   |         |
|          | H. Nhơn Trạch<br>H. Long Thành                 | TAND khu vực 2 - Đồng Nai      | Xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai     | Số 187 Lê Duẩn, khu Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai       |         |
|          | H. Vĩnh Cửu<br>H. Trảng Bom                    | TAND khu vực 3 - Đồng Nai      | Xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai      | Số 173 Nguyễn Huệ, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai                    |         |
|          | H. Thống Nhất<br>Tp. Long Khánh                | TAND khu vực 4- Đồng Nai       | Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | Số 42 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |         |
|          | H. Cẩm Mỹ                                      | TAND khu vực 5- Đồng Nai       | Xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai         | Áp Suối Cà, xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai                              |         |
|          | H. Xuân Lộc                                    | TAND khu vực 6- Đồng Nai       | Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai       | Số 2 đường 9/4, khu phố 1, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai             |         |
|          | H. Định Quán                                   | TAND khu vực 7- Đồng Nai       | Xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai      | Nguyễn Ái Quốc, khu phố Hiệp Tâm 1, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai   |         |
|          | H. Tân Phú                                     | TAND khu vực 8- Đồng Nai       | Xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai        | Số 6 Trịnh Hoài Đức, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai                    |         |
|          | Tp. Đồng Xoài<br>H. Đồng Phú                   | TAND khu vực 9- Đồng Nai       | Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai | Số 733 Quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai               |         |
|          | Tx. Chơn Thành<br>H. Hớn Quản<br>Tx. Bình Long | TAND khu vực 10- Đồng Nai      | Xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai       | Trung tâm hành chính, xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai                  |         |
|          | Tx. Phước Long<br>H. Phú Riềng                 | TAND khu vực 11- Đồng Nai      | Xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai      | Thôn Tân Hoà, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai                         |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT      | Tỉnh/huyện                                                          | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính              | Địa chỉ                                                          | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>8</b> | <b>ĐỒNG THÁP</b>                                                    |                                |                                   |                                                                  |         |
|          | Tỉnh Tiền Giang<br>Tỉnh Đồng Tháp                                   | TAND tỉnh Đồng Tháp            | Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp     | Số 30 Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp                      |         |
|          | Tp. Mỹ Tho<br>H. Chợ Gạo                                            | TAND khu vực 1 - Đồng Tháp     | Phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp   | Ấp Hội Gia, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp                      |         |
|          | H. Gò Công Tây<br>Tp. Gò Công<br>H. Gò Công Đông<br>H. Tân Phú Đông | TAND khu vực 2 - Đồng Tháp     | Phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp | Số 34 Nguyễn Văn Côn, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp          |         |
|          | H. Tân Phước<br>H. Châu Thành                                       | TAND khu vực 3 - Đồng Tháp     | Xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp     | Xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp                                    |         |
|          | H. Cai Lậy<br>Tx. Cai Lậy                                           | TAND khu vực 4 - Đồng Tháp     | Phường Nhị Quý, tỉnh Đồng Tháp    | Mỹ Thuận, phường Nhị Quý, tỉnh Đồng Tháp                         |         |
|          | H. Cái Bè                                                           | TAND khu vực 5 - Đồng Tháp     | Xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp         | Ấp Hòa Phúc, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp                           |         |
|          | Tp. Cao Lãnh                                                        | TAND khu vực 6 - Đồng Tháp     | Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp   | Số 3 Lê Thị Riêng, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp               |         |
|          | H. Lấp Vò<br>H. Lai Vung                                            | TAND khu vực 7 - Đồng Tháp     | Xã Hoà Long, tỉnh Đồng Tháp       | Ấp 2, xã Hoà Long, tỉnh Đồng Tháp                                |         |
|          | Tp. Sa Đéc<br>H. Châu Thành                                         | TAND khu vực 8 - Đồng Tháp     | Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp     | Đường ĐT 848, khóm Tân Bình, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp       |         |
|          | H. Cao Lãnh                                                         | TAND khu vực 9 - Đồng Tháp     | Xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp         | Số 280 Nguyễn Trãi, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp                    |         |
|          | H. Tháp Mười                                                        | TAND khu vực 10 - Đồng Tháp    | Xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp      | Số 57 đường Trần Hưng Đạo, khóm 3, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. |         |
|          | H. Tam Nông<br>H. Thanh Bình                                        | TAND khu vực 11 - Đồng Tháp    | Xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp      | Đường Võ Văn Kiệt, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp                  |         |



| STT | Tỉnh/huyện                                 | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính              | Địa chỉ                        | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------|
| 8   | ĐỒNG THÁP                                  |                                |                                   |                                |         |
|     | Tp. Hồng Ngự<br>H. Hồng Ngự<br>H. Tân Hồng | TAND khu vực 12 - Đồng Tháp    | Phường An Bình, tỉnh<br>Đồng Tháp | Phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp |         |



## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

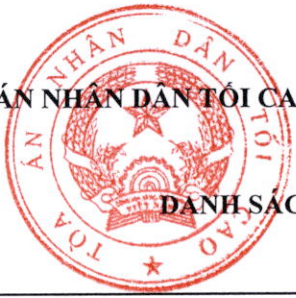
(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT      | Tỉnh/huyện                                | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính           | Địa chỉ                                                  | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
| <b>9</b> | <b>GIA LAI</b>                            |                                |                                |                                                          |         |
|          | Tỉnh Gia Lai<br>Tỉnh Bình Định            | TAND tỉnh Gia Lai              | Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai  | Số 1 đường Lê Lợi, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai         |         |
|          | Tp. Quy Nhơn                              | TAND khu vực 1- Gia Lai        | Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai  | Số 39 Bà Huyện Thanh Quan, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai |         |
|          | Tx An Nhơn<br>H. Tuy Phước<br>H. Vân Canh | TAND khu vực 2- Gia Lai        | Xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai     | Số 105 Xuân Diệu, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai             |         |
|          | H. Phù Mỹ<br>H. Phù Cát                   | TAND khu vực 3- Gia Lai        | Xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai       | Số 65 Quang Trung, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai              |         |
|          | H. Vĩnh Thạnh<br>H. Tây Sơn               | TAND khu vực 4- Gia Lai        | Xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai       | Số 4 Đô Đốc Bảo, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai                |         |
|          | H. An Lão<br>H. Hoài Ân                   | TAND khu vực 5- Gia Lai        | Xã Hoài Ân, tỉnh Gia Lai       | Số 172-174 Nguyễn Tất Thành, xã Hoài Ân, tỉnh Gia Lai    |         |
|          | Tx. Hoài Nhơn                             | TAND khu vực 6- Gia Lai        | Phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai  | Số 2693 Quang Trung, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai       |         |
|          | Tp. Pleiku                                | TAND khu vực 7- Gia Lai        | Phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | Đường Nguyễn Văn Linh, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai    |         |
|          | H. Đức Cơ<br>H. Chư Prông                 | TAND khu vực 8- Gia Lai        | Xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai     | Số 103 Nguyễn Trãi, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai           |         |
|          | H. Ia Grai<br>H. Chư Păh                  | TAND khu vực 9- Gia Lai        | Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai       | Số 286 Hùng Vương, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai              |         |
|          | H. Đăk Đoa<br>H. Mang Yang                | TAND khu vực 10- Gia Lai       | Xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai       | Số 142 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai              |         |
|          | H. Chư Sê<br>H. Chư Pưh                   | TAND khu vực 11- Gia Lai       | Xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai       | Số 9 Nguyễn Tất Thành, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai          |         |

| STT | Tỉnh/huyện                                             | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính         | Địa chỉ                                            | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 9   | GIA LAI                                                |                                |                              |                                                    |         |
|     | Tx. Ayun Pa<br>H. Krông Pa<br>H. Phú Thiện<br>H. Ia Pa | TAND khu vực 12- Gia Lai       | Phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Số 65 Trần Quốc Toàn, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |         |
|     | Tx. An Khê<br>H. Đăk Pơ<br>H. Kông Chro                | TAND khu vực 13- Gia Lai       | Phường An Bình, tỉnh Gia Lai | Số 1467 Quang Trung, phường An Bình, tỉnh Gia Lai  |         |
|     | H. Kbang                                               | TAND khu vực 14- Gia Lai       | Xã Kbang, tỉnh Gia Lai       | Số 39 Quang Trung, xã Kbang, tỉnh Gia Lai          |         |



## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 149 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                                                      | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính               | Địa chỉ                                                 | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
| 10  | HÀ TỈNH                                                                         |                                |                                    |                                                         |         |
|     | Tỉnh Hà Tĩnh                                                                    | TAND tỉnh Hà Tĩnh              | Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh     | Số 96A Phan Đình Phùng, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh  |         |
|     | H. Thạch Hà<br>Tp. Hà Tĩnh<br>H. Cẩm Xuyên                                      | TAND khu vực 1- Hà Tĩnh        | Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh     | Số 90 Phan Đình Phùng, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh   |         |
|     | H. Kỳ Anh<br>Tx. Kỳ Anh                                                         | TAND khu vực 2- Hà Tĩnh        | Xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh            | Thôn Đồng Tiến, xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh                 |         |
|     | H. Can Lộc<br>H. Đức Thọ<br>H. Nghi Xuân<br>Tx. Hồng Lĩnh<br>Tx. Hồng Lĩnh (cũ) | TAND khu vực 3- Hà Tĩnh        | Phường Bắc Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | Tổ dân phố Tiên Sơn, phường Bắc Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh |         |
|     | H. Hương Khê                                                                    | TAND khu vực 4 - Hà Tĩnh       | Xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh         | Số 293 Trần Phú, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh             |         |
|     | H. Hương Sơn<br>H. Vũ Quang                                                     | TAND khu vực 5- Hà Tĩnh        | Xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh         | Số 82 Nguyễn Tuấn Thiện, xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh     |         |

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 118/QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                           | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                | Địa chỉ                                                | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
| 11  | HƯNG YÊN                                             |                                |                                     |                                                        |         |
|     | Tỉnh Hưng Yên<br>Tỉnh Thái Bình                      | TAND tỉnh Hưng Yên             | Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên      | Số 686 Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên |         |
|     | H. Ân Thi<br>H. Phù Cừ<br>H. Tiên Lữ<br>Tp. Hưng Yên | TAND khu vực 1- Hưng Yên       | Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên    | Đường Nội thị 1, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên      |         |
|     | Tx. Mỹ Hào<br>H. Yên Mỹ                              | TAND khu vực 2- Hưng Yên       | Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên        | Số 17 Nguyễn Thiện Thuật, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |         |
|     | H. Khoái Châu<br>H. Kim Động                         | TAND khu vực 3- Hưng Yên       | Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên        | Số 64 Sài Thị, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên            |         |
|     | H. Văn Giang<br>H. Văn Lâm                           | TAND khu vực 4- Hưng Yên       | Xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên         | Đường Cây sấu, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên             |         |
|     | Tp. Thái Bình<br>H. Vũ Thư                           | TAND khu vực 5- Hưng Yên       | Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên | Số 76 Kỳ Đồng, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên     |         |
|     | H. Kiến Xương<br>H. Tiền Hải                         | TAND khu vực 6- Hưng Yên       | Xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên          | Số 5 đường 14/10, xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên           |         |
|     | H. Thái Thụy<br>H. Đông Hưng                         | TAND khu vực 7- Hưng Yên       | Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên         | Số 28 Quách Đình Bảo, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên      |         |
|     | H. Hưng Hà<br>H. Quỳnh Phụ                           | TAND khu vực 8- Hưng Yên       | Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên           | Số 106 Long Hưng, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên            |         |



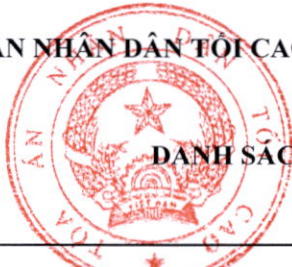
## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                 | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                | Địa chỉ                                                   | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 12  | <b>KHÁNH HÒA</b>                           |                                |                                     |                                                           |         |
|     | Tỉnh Khánh Hòa<br>Tỉnh Ninh Thuận          | TAND tỉnh Khánh Hòa            | Phường Nha Trang, tỉnh<br>Khánh Hòa | Số 02 Phan Bội Châu, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa     |         |
|     | Tp. Nha Trang                              | TAND khu vực 1 - Khánh Hòa     | Phường Nha Trang, tỉnh<br>Khánh Hòa | Số 104 Nguyễn Trãi, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa      |         |
|     | H. Khánh Sơn<br>H. Cam Lâm<br>Tp. Cam Ranh | TAND khu vực 2 - Khánh Hòa     | Phường Cam Ranh, tỉnh<br>Khánh Hòa  | Số 4 Phạm Văn Đồng, phường Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa       |         |
|     | H. Khánh Vĩnh<br>H. Diên Khánh             | TAND khu vực 3 - Khánh Hòa     | Xã Diên Khánh, tỉnh<br>Khánh Hòa    | Số 127 Lý Tự Trọng, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa         |         |
|     | Tx. Ninh Hòa<br>H. Vạn Ninh                | TAND khu vực 4 - Khánh Hòa     | Phường Ninh Hòa, tỉnh<br>Khánh Hòa  | Tổ dân phố số 17, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa         |         |
|     | Tp. Phan Rang - Tháp Chàm                  | TAND khu vực 5- Khánh Hòa      | Phường Phan Rang, tỉnh<br>Khánh Hòa | Số 01 Nguyễn Tri Phương, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa |         |
|     | H. Ninh Hải<br>H. Thuận Bắc                | TAND khu vực 6 - Khánh Hòa     | Phường Ninh Chữ, tỉnh<br>Khánh Hòa  | Số 312 Trường Chinh, phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa      |         |
|     | H. Bác Ái<br>H. Ninh Sơn                   | TAND khu vực 7 - Khánh Hòa     | Xã Ninh Sơn, tỉnh<br>Khánh Hòa      | Số 332 Lê Duẩn, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa               |         |
|     | H. Ninh Phước<br>H. Thuận Nam              | TAND khu vực 8 - Khánh Hòa     | Xã Thuận Nam, tỉnh<br>Khánh Hòa     | xã Thuận Nam, tỉnh khánh Hòa                              |         |



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                   | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính            | Địa chỉ                                          | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
| 13  | LAI CHÂU                     |                                |                                 |                                                  |         |
|     | Tỉnh Lai Châu                | TAND tỉnh Lai Châu             | Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu | Tổ 9, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu            |         |
|     | Tp. Lai Châu<br>H. Tam Đường | TAND khu vực 1-Lai Châu        | Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu  | Đường 58, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu         |         |
|     | H. Tân Uyên<br>H. Than Uyên  | TAND khu vực 2-Lai Châu        | Xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu      | Tổ dân phố số 26, xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu     |         |
|     | H. Sìn Hồ<br>H. Phong Thổ    | TAND khu vực 3-Lai Châu        | Xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu     | Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu |         |
|     | H. Mường Tè<br>H. Nậm Nhùn   | TAND khu vực 4-Lai Châu        | Xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu        | Khu phố 8, xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu              |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 149 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                                        | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                         | Địa chỉ                                                   | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| <b>14</b> | <b>LÂM ĐỒNG</b>                                   |                                |                                              |                                                           |         |
|           | Tỉnh Lâm Đồng<br>Tỉnh Bình Thuận<br>Tỉnh Đắk Nông | TAND tỉnh Lâm Đồng             | Phường Xuân Hương -<br>Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | Số 27 Trần Phú, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |         |
|           | H. Lạc Dương<br>Tp. Đà Lạt                        | TAND khu vực 1 - Lâm Đồng      | Phường Xuân Hương -<br>Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | Số 27 Pesteur, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  |         |
|           | H. Đơn Dương<br>H. Đức Trọng                      | TAND khu vực 2- Lâm Đồng       | Xã Đức Trọng, tỉnh Lâm<br>Đồng               | Quốc lộ 20, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng                   |         |
|           | H. Lâm Hà<br>H. Đam Rông                          | TAND khu vực 3 - Lâm Đồng      | Xã Đình Văn Lâm Hà,<br>tỉnh Lâm Đồng         | Tổ dân phố Đồng Tâm, xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng    |         |
|           | Tp. Bảo Lộc<br>H. Bảo Lâm<br>H. Di Linh           | TAND khu vực 4 - Lâm Đồng      | Phường Bảo Lộc, tỉnh<br>Lâm Đồng             | Số 12A Lý Tự Trọng, phường Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng         |         |
|           | H. Đạ Huoai<br>H. Cát Tiên                        | TAND khu vực 5- Lâm Đồng       | Xã Đạ Tẻh, tỉnh Lâm<br>Đồng                  | Tổ dân phố 1B, xã Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng                   |         |
|           | Tp. Gia Nghĩa<br>H. Đắk GLong                     | TAND khu vực 6- Lâm Đồng       | Phường Nam Gia<br>Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng       | Số 12 Cao Bá Quát, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng    |         |
|           | H. Tuy Đức<br>H. Đắk RLấp                         | TAND khu vực 7 - Lâm Đồng      | Xã Kiến Đức, tỉnh Lâm<br>Đồng                | Đường Trần Hưng Đạo, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng           |         |
|           | H. Đắk Mil<br>H. Đắk Song                         | TAND khu vực 8 - Lâm Đồng      | Xã Đức Lập, tỉnh Lâm<br>Đồng                 | Số 5 Lê Duẩn, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng                   |         |
|           | H. Cư Jút<br>H. Krông Nô                          | TAND khu vực 9 - Lâm Đồng      | Xã Cư Jút, tỉnh Lâm<br>Đồng                  | Số 17 Ngô Quyền, xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng                 |         |
|           | Tp. Phan Thiết<br>H. Phú Quý                      | TAND khu vực 10 - Lâm Đồng     | Phường Bình Thuận,<br>tỉnh Lâm Đồng          | Số 16 Nguyễn Tất Thành, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng  |         |
|           | H. Hàm Thuận Nam                                  | TAND khu vực 11 - Lâm Đồng     | Xã Hàm Thuận Nam,<br>tỉnh Lâm Đồng           | Số 34 Trần Phú, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng           |         |



| STT | Tỉnh/huyện              | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính         | Địa chỉ                                                      | Ghi chú |
|-----|-------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| 14  | LÂM ĐỒNG                |                                |                              |                                                              |         |
|     | H. Hàm Thuận Bắc        | TAND khu vực 12- Lâm Đồng      | Xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng  | Số 213 đường 8/4, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng                |         |
|     | H. Bắc Bình             | TAND khu vực 13- Lâm Đồng      | Xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng   | Số 383 Nguyễn Tất Thành, xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng          |         |
|     | H. Tuy Phong            | TAND khu vực 14 - Lâm Đồng     | Xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng | Số 8 đường 17/4, xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng                |         |
|     | TX. La Gi<br>H. Hàm Tân | TAND khu vực 15 - Lâm Đồng     | Phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng  | Số 572 Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng               |         |
|     | H. Tánh Linh            | TAND khu vực 16 - Lâm Đồng     | Xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng  | Số 1205 Trần Hưng Đạo, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng           |         |
|     | H. Đức Linh             | TAND khu vực 17 - Lâm Đồng     | Xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng   | Số 465 đường Cách Mạng Tháng Tám, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng |         |

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số *119* /QĐ-TANDTC ngày *01* tháng *7* năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                               | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp   | Nơi đặt trụ sở chính                       | Địa chỉ                                                          | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>15</b> | <b>LẠNG SƠN</b>                          |                                  |                                            |                                                                  |         |
|           | Tỉnh Lạng Sơn                            | <i>TAND tỉnh Lạng Sơn</i>        | <i>Phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn</i> | <i>Số 412 Hùng Vương, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn</i>    |         |
|           | H. Cao Lộc<br>Tp. Lạng Sơn               | <i>TAND khu vực 1 - Lạng Sơn</i> | <i>Phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn</i> | <i>Số 7 Trần Hưng Đạo, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn</i>   |         |
|           | H. Tràng Định<br>H. Văn Lãng             | <i>TAND khu vực 2 - Lạng Sơn</i> | <i>Xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn</i>            | <i>Khu 8, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn</i>                           |         |
|           | H. Bình Gia<br>H. Bắc Sơn<br>H. Văn Quan | <i>TAND khu vực 3 - Lạng Sơn</i> | <i>Xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn</i>          | <i>Đường 19/4, khối phố 2, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn</i>        |         |
|           | H. Hữu Lũng<br>H. Chi Lăng               | <i>TAND khu vực 4 - Lạng Sơn</i> | <i>Xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn</i>          | <i>Số 26 đường 19/8, khu An Ninh, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn</i> |         |
|           | H. Đình Lập<br>H. Lộc Bình               | <i>TAND khu vực 5 - Lạng Sơn</i> | <i>Xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn</i>          | <i>Khu Hòa Bình, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn</i>                  |         |





**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                   | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính           | Địa chỉ                                              | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|---------|
| 16  | LÀO CAI                                      |                                |                                |                                                      |         |
|     | Tỉnh Lào Cai<br>Tỉnh Yên Bái                 | TAND tỉnh Lào Cai              | Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai   | Nguyễn Tất Thành, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai       |         |
|     | Tp. Yên Bái                                  | TAND khu vực 1- Lào Cai        | Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai   | Số 965 Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai        |         |
|     | H. Lục Yên<br>H. Yên Bình                    | TAND khu vực 2- Lào Cai        | Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai      | Thôn 8, xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai                    |         |
|     | H. Văn Yên<br>H. Trấn Yên                    | TAND khu vực 3- Lào Cai        | Xã Mậu A, tỉnh Lào Cai         | Số 68 Tuệ Tĩnh, thôn Văn Yên, xã Mậu A, tỉnh Lào Cai |         |
|     | H. Mù Cang Chải<br>H. Văn Chấn               | TAND khu vực 4- Lào Cai        | Xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai      | Xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai                            |         |
|     | Tx. Nghĩa Lộ<br>H. Trạm Tấu                  | TAND khu vực 5- Lào Cai        | Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai  | Tổ 4, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai                  |         |
|     | H. Bảo Thắng<br>Tp. Lào Cai                  | TAND khu vực 6- Lào Cai        | Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai | Đường B2, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai             |         |
|     | H. Bát Xát<br>Tx. Sa Pa                      | TAND khu vực 7- Lào Cai        | Phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai     | Số 01 Lê Hồng Phong, phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai      |         |
|     | H. Bảo Yên<br>H. Văn Bàn                     | TAND khu vực 8- Lào Cai        | Xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai       | Số 33 Gia Lan, xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai              |         |
|     | H. Si Ma Cai<br>H. Bắc Hà<br>H. Mường Khương | TAND khu vực 9- Lào Cai        | Xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai        | Thôn Nậm Sắt 2, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai              |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-TANDTC ngày 9 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                                    | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính            | Địa chỉ                                                                   | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>17</b> | <b>NGHỆ AN</b>                                |                                |                                 |                                                                           |         |
|           | Tỉnh Nghệ An                                  | TAND tỉnh Nghệ An              | Phường Vĩnh Phú, tỉnh Nghệ An   | Phạm Đình Toái, phường Vĩnh Phú, tỉnh Nghệ An                             |         |
|           | Tp. Vinh                                      | TAND Khu vực 1 - Nghệ An       | Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An | Số 72 Nguyễn Thị Minh Khai, khối Liên Cơ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An |         |
|           | H. Nghi Lộc<br>H. Hưng Nguyên                 | TAND Khu vực 2 - Nghệ An       | Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An       | Nguyễn Xí, thôn Quán Hành, xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An                      |         |
|           | H. Diễn Châu                                  | TAND Khu vực 3 - Nghệ An       | Xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An      | Khối 3, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An                                        |         |
|           | Tx. Hoàng Mai<br>H. Quỳnh Lưu                 | TAND Khu vực 4 - Nghệ An       | Phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An    | Nguyễn Thị Minh Khai, phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An                        |         |
|           | H. Nam Đàn<br>H. Thanh Chương                 | TAND Khu vực 5 - Nghệ An       | Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An         | Phan Bội Châu, xã Vạn An, tỉnh Nghệ An                                    |         |
|           | H. Yên Thành                                  | TAND Khu vực 6 - Nghệ An       | Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An      | Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An                                                |         |
|           | H. Tân Kỳ<br>H. Đô Lương                      | TAND Khu vực 7- Nghệ An        | Xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An       | Số 1 Lê Hồng Phong, xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An                             |         |
|           | H. Nghĩa Đàn<br>Tx. Thái Hòa                  | TAND Khu vực 8 - Nghệ An       | Phường Thái Hòa, tỉnh Nghệ An   | Số 68 Làng Vạc, phường Thái Hoà, tỉnh Nghệ An                             |         |
|           | H. Anh Sơn<br>H. Con Cuông                    | TAND Khu vực 9 - Nghệ An       | Xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An        | Tổ dân phố số 2, xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An                                 |         |
|           | H. Quế Phong<br>H. Quỳnh Châu<br>H. Quỳnh Hợp | TAND Khu vực 10 - Nghệ An      | Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An     | Khối 2, xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An                                       |         |
|           | H. Tương Dương                                | TAND Khu vực 11 - Nghệ An      | Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An    | Số 321 Khối Hoà Tây, xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An                         |         |
|           | H. Kỳ Sơn                                     | TAND Khu vực 12 - Nghệ An      | Xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An      | Khối 1, xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An                                        |         |





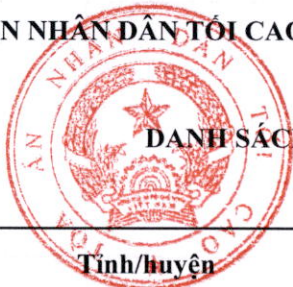
**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính              | Địa chỉ                                                            | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------|
| 18  | NINH BÌNH                                      |                                |                                   |                                                                    |         |
|     | Tỉnh Ninh Bình<br>Tỉnh Hà Nam<br>Tỉnh Nam Định | TAND tỉnh Ninh Bình            | Phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình | Trần Nhân Tông, phố Phương Đình, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình |         |
|     | Tp. Hoa Lư                                     | TAND khu vực 1 - Ninh Bình     | Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình     | Số 1 ngõ 44 Đình Tắt Miễn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình           |         |
|     | H. Yên Mô<br>Tp. Tam Điệp                      | TAND khu vực 2 - Ninh Bình     | Phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình   | Số 129 Đồng Giao, phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình                  |         |
|     | H. Nho Quan<br>H. Gia Viễn                     | TAND khu vực 3 - Ninh Bình     | Xã Nho Quan, tỉnh Ninh Bình       | Số 12 Lương Văn Tụy, phố Phong Lạc, xã Nho Quan, tỉnh Ninh Bình    |         |
|     | H. Kim Sơn<br>H. Yên Khánh                     | TAND khu vực 4 - Ninh Bình     | Xã Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình      | Xóm 9, xã Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình                                |         |
|     | Tx. Kim Bảng<br>H. Thanh Liêm<br>TP. Phủ Lý    | TAND khu vực 5 - Ninh Bình     | Xã Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình         | Giã Tượng, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình                           |         |
|     | H. Bình Lục<br>Tx. Duy Tiên<br>H. Lý Nhân      | TAND khu vực 6 - Ninh Bình     | Xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình       | Số 391 Trần Nhân Tông, xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình                 |         |
|     | Tp. Nam Định                                   | TAND khu vực 7 - Ninh Bình     | Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình   | Số 66 Đường Hoàng Sâm, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình             |         |
|     | H. Vụ Bản<br>H. Ý Yên                          | TAND khu vực 8 - Ninh Bình     | Xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình          | Đường 57B, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình                                |         |
|     | H. Trực Ninh<br>H. Nam Trực                    | TAND khu vực 9 - Ninh Bình     | Xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình       | Thôn Quán Chiền, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình                       |         |
|     | H. Giao Thủy<br>H. Xuân Trường                 | TAND khu vực 10 - Ninh Bình    | Xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình    | Trường Chinh, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình                       |         |
|     | H. Nghĩa Hưng<br>H. Hải Hậu                    | TAND khu vực 11 - Ninh Bình    | Xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình        | Quốc lộ 37B, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình                            |         |



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                      | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính           | Địa chỉ                                           | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 19  | PHÚ THỌ                                         |                                |                                |                                                   |         |
|     | Tỉnh Phú Thọ<br>Tỉnh Hòa Bình<br>Tỉnh Vĩnh Phúc | TAND tỉnh Phú Thọ              | Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  | Nguyễn Tất Thành, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ   |         |
|     | Tp. Việt Trì                                    | TAND khu vực 1 - Phú Thọ       | Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  | Hai Bà Trưng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ       |         |
|     | Tx. Phú Thọ<br>H. Lâm Thao                      | TAND khu vực 2 - Phú Thọ       | Phường Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ   | Khu Vạn Thắng, phường Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ       |         |
|     | H. Thanh Ba<br>H. Phù Ninh                      | TAND khu vực 3 - Phú Thọ       | Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ      | Khu 3, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ                  |         |
|     | H. Thanh Thủy<br>H. Tam Nông                    | TAND khu vực 4 - Phú Thọ       | Xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ      | Xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ                         |         |
|     | H. Hạ Hòa<br>H. Đoan Hùng                       | TAND khu vực 5 - Phú Thọ       | Xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ     | Số 625 Đồng Tâm, xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ       |         |
|     | H. Yên Lập<br>H. Cẩm Khê                        | TAND khu vực 6 - Phú Thọ       | Xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ       | Số 291 Hoa Khê, xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ          |         |
|     | H. Thanh Sơn<br>H. Tân Sơn                      | TAND khu vực 7 - Phú Thọ       | Xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ     | Khu Cầu Đất, xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ           |         |
|     | H. Bình Xuyên<br>Tp. Phúc Yên                   | TAND khu vực 8 - Phú Thọ       | Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ  | Bạch Đằng, tổ 7, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ    |         |
|     | H. Tam Đảo<br>H. Tam Dương<br>Tp. Vĩnh Yên      | TAND khu vực 9 - Phú Thọ       | Phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ. | Phạm Văn Đồng, phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ      |         |
|     | H. Vĩnh Tường<br>H. Yên Lạc                     | TAND khu vực 10 - Phú Thọ      | Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Phú Thọ.   | Số 351 Lê Xoay, xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ       |         |
|     | H. Sông Lô<br>H. Lập Thạch                      | TAND khu vực 11 - Phú Thọ      | Xã Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ     | Tổ dân phố Vĩnh Thịnh, xã Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ |         |

| STT | Tỉnh/huyện                | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính         | Địa chỉ                                    | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 19  | <b>PHÚ THỌ</b>            |                                |                              |                                            |         |
|     | TP. Hòa Bình<br>Cao Phong | TAND khu vực 12 - Phú Thọ      | Phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ | Trần Quý Cáp, phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ |         |
|     | Kim Bôi<br>Lương Sơn      | TAND khu vực 13 - Phú Thọ      | Xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ     | Khu Đoàn Kết, xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ     |         |
|     | Đà Bắc                    | TAND khu vực 14 - Phú Thọ      | Xã Đà Bắc, tỉnh Phú Thọ      | Xã Đà Bắc, tỉnh Phú Thọ                    |         |
|     | Lạc Sơn<br>Tân Lạc        | TAND khu vực 15 - Phú Thọ      | Xã Lạc Sơn, tỉnh Phú Thọ     | Hữu Nghị, xã Lạc Sơn, tỉnh Phú Thọ         |         |
|     | Mai Châu                  | TAND khu vực 16 - Phú Thọ      | Xã Mai Châu, tỉnh Phú Thọ    | Tiểu khu III, xã Mai Châu, tỉnh Phú Thọ    |         |
|     | Lạc Thủy<br>Yên Thủy      | TAND khu vực 17 - Phú Thọ      | Xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ    | Khu 1, xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ           |         |



## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                              | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                 | Địa chỉ                                                 | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
| <b>20</b> | <b>QUẢNG NGÃI</b>                       |                                |                                      |                                                         |         |
|           | Tỉnh Quảng Ngãi<br>Tỉnh Kon Tum         | TAND tỉnh Quảng Ngãi           | Phường Cẩm Thành,<br>tỉnh Quảng Ngãi | Số 203 Phạm Văn Đồng, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi |         |
|           | H. Lý Sơn<br>Tp. Quảng Ngãi             | TAND khu vực 1 - Quảng Ngãi    | Phường Nghĩa Lộ, tỉnh<br>Quảng Ngãi  | Số 164 Phan Bội Châu, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi  |         |
|           | H. Trà Bồng<br>H. Bình Sơn              | TAND khu vực 2 - Quảng Ngãi    | Xã Bình Sơn, tỉnh<br>Quảng Ngãi      | Thôn Phú Lộc, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi              |         |
|           | H. Sơn Tây<br>H. Sơn Hà<br>H. Sơn Tịnh  | TAND khu vực 3 - Quảng Ngãi    | Xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng<br>Ngãi      | Thôn Hà Tây, xã Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.              |         |
|           | H. Tư Nghĩa<br>H. Mộ Đức                | TAND khu vực 4 - Quảng Ngãi    | Xã Mộ Đức, tỉnh Quảng<br>Ngãi        | Số 47 Trần Thị Hiệp, xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi         |         |
|           | H. Minh Long<br>H. Nghĩa Hành           | TAND khu vực 5 - Quảng Ngãi    | Xã Nghĩa Hành, tỉnh<br>Quảng Ngãi    | Số 507 Phạm Văn Đồng, xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi    |         |
|           | H. Ba Tơ<br>Tx. Đức Phổ                 | TAND khu vực 6 - Quảng Ngãi    | Phường Đức Phổ, tỉnh<br>Quảng Ngãi   | Số 25 Đỗ Quang Thắng, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi   |         |
|           | Tp. Kon Tum                             | TAND khu vực 7 - Quảng Ngãi    | Phường Kon Tum, tỉnh<br>Quảng Ngãi   | Số 44 Bà Triệu, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi         |         |
|           | H. Ia H'Drai<br>H. Sa Thầy              | TAND khu vực 8 - Quảng Ngãi    | Xã Ia Tơ, tỉnh Quảng<br>Ngãi         | Thôn 1, xã Ia Tơ, tỉnh Quảng Ngãi                       |         |
|           | H. Đăk Hà<br>H. Đăk Tô<br>H. Tu Mơ Rông | TAND khu vực 9 - Quảng Ngãi    | Xã Đăk Tô, tỉnh Quảng<br>Ngãi        | Số 151 Hùng Vương, xã Đăk Tô, tỉnh Quảng Ngãi           |         |
|           | H. Kon Rẫy<br>H. Kon Plông              | TAND khu vực 10 - Quảng Ngãi   | Xã Măng Đen, Quảng<br>Ngãi           | Số 212 Võ Nguyên Giáp, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi     |         |
|           | H. Đăk Glei<br>H. Ngọc Hồi              | TAND khu vực 11 - Quảng Ngãi   | Xã Bờ Y, tỉnh Quảng<br>Ngãi          | Số 988 Hùng Vương, xã Bờ Y, Tỉnh Quảng Ngãi             |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                            | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính              | Địa chỉ                                                           | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|
| 21  | QUẢNG NINH                                            |                                |                                   |                                                                   |         |
|     | Tỉnh Quảng Ninh                                       | TAND tỉnh Quảng Ninh           | Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh  | Khu đô thị Cao Xanh, Hà Khánh B, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh |         |
|     | Tp. Hạ long                                           | TAND khu vực 1-Quảng Ninh      | Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh   | Số 447 Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh             |         |
|     | Tp. Uông Bí<br>H. Quảng Yên                           | TAND khu vực 2-Quảng Ninh      | Phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh | Khu Bãi, phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh                        |         |
|     | H. Cô Tô<br>Tp. Cẩm Phả<br>H. Vân Đồn                 | TAND khu vực 3-Quảng Ninh      | Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh   | Khu Hòa Lạc, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh                      |         |
|     | H. Ba Chẽ<br>H. Tiên Yên<br>H. Bình Liêu<br>H. Đầm Hà | TAND khu vực 4-Quảng Ninh      | Xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh      | Đường mới, Lý Thường Kiệt, xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh           |         |
|     | Tp. Đông Triều                                        | TAND khu vực 5-Quảng Ninh      | Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh   | Khu Xuân Viên 4, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh                  |         |
|     | H. Hải Hà<br>Tp. Móng Cái                             | TAND khu vực 6-Quảng Ninh      | Phường Móng Cái 1, Quảng Ninh     | Số 33 Hữu Nghị, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh                |         |





TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                  | Địa chỉ                                                     | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------|
| 22  | <b>QUẢNG TRỊ</b>                               |                                |                                       |                                                             |         |
|     | Tỉnh Quảng Trị<br>Tỉnh Quảng Bình              | TAND tỉnh Quảng Trị            | Phường Đồng Hới, tỉnh<br>Quảng Trị    | Số 86 Trần Quang Khải, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị      |         |
|     | H. Bồ Trạch<br>Tp. Đồng Hới                    | TAND khu vực 1 - Quảng Trị     | Phường Đồng Hới, tỉnh<br>Quảng Trị    | Số 92 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị        |         |
|     | H. Minh Hóa<br>H. Tuyên Hóa                    | TAND khu vực 2 - Quảng Trị     | Xã Tuyên Hóa, tỉnh<br>Quảng Trị       | Số 39 Lý Thường Kiệt, xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị          |         |
|     | H. Quảng Trạch<br>Tx. Ba Đồn                   | TAND khu vực 3 - Quảng Trị     | Xã Quảng Trạch, tỉnh<br>Quảng Trị     | Thôn Pháp Kê, xã Quảng Trạch, tỉnh Quảng Trị                |         |
|     | H. Quảng Ninh<br>H. Lệ Thủy                    | TAND khu vực 4 - Quảng Trị     | Xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng<br>Trị         | Số 126 Hùng Vương, xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị               |         |
|     | H. Cam Lộ<br>Tp. Đông Hà                       | TAND khu vực 5 - Quảng Trị     | Phường Nam Đông Hà,<br>tỉnh Quảng Trị | Số 45 Lê Lợi, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị            |         |
|     | H. Triệu Phong<br>Tx. Quảng Trị<br>H. Hải Lăng | TAND khu vực 6 - Quảng Trị     | Phường Quảng Trị, tỉnh<br>Quảng Trị   | Số 63 Ngô Quyền, phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị           |         |
|     | H. Hướng Hóa<br>H. ĐaKrông                     | TAND khu vực 7 - Quảng Trị     | Xã Khe Sanh, tỉnh<br>Quảng Trị        | Số 2 Nguyễn Viết Xuân, khóm 3b, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị |         |
|     | H. Vĩnh Linh<br>H. Gio Linh<br>H. Cồn Cỏ       | TAND khu vực 8 - Quảng Trị     | Xã Vĩnh Linh, tỉnh<br>Quảng Trị       | Trần Hưng Đạo, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị                 |         |

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính               | Địa chỉ                                    | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| <b>23</b> | <b>SƠN LA</b>                  |                                |                                    |                                            |         |
|           | Tỉnh Sơn La                    | TAND tỉnh Sơn La               | Phường Chiềng Sinh,<br>tỉnh Sơn La | Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La            |         |
|           | Tp. Sơn La<br>H. Mường La      | TAND khu vực 1 - Sơn La        | Phường Tô Hiệu, tỉnh<br>Sơn La     | Số 61 Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La |         |
|           | H. Quỳnh Nhai<br>H. Thuận Châu | TAND khu vực 2 - Sơn La        | Xã Thuận Châu, tỉnh<br>Sơn La      | Xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La                 |         |
|           | H. Sông Mã<br>H. Sốp Cộp       | TAND khu vực 3 - Sơn La        | Xã Sông Mã, tỉnh Sơn<br>La         | Xã Sông Mã, tỉnh Sơn La                    |         |
|           | H. Mai Sơn<br>H. Yên Châu      | TAND khu vực 4 - Sơn La        | Xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La            | Xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La                    |         |
|           | H. Bắc Yên<br>H. Phù Yên       | TAND khu vực 5 - Sơn La        | Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La            | Xã Phù Yên, tỉnh Sơn La                    |         |
|           | Tx. Mộc Châu<br>H. Vân Hồ      | TAND khu vực 6 - Sơn La        | Phường Mộc Châu, tỉnh<br>Sơn La    | Phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La               |         |



## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính             | Địa chỉ                                                          | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>24</b> | <b>TÂY NINH</b>                                |                                |                                  |                                                                  |         |
|           | Tỉnh Long An<br>Tỉnh Tây Ninh                  | TAND tỉnh Tây Ninh             | Phường Long An, tỉnh Tây Ninh    | Số 12 Tuyến Tránh, quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh     |         |
|           | H. Thủ Thừa<br>Tp. Tân An                      | TAND khu vực 1-Tây Ninh        | Phường Long An, tỉnh Tây Ninh    | Số 5 Nguyễn Thị Rành, phường Long An, tỉnh Tây Ninh              |         |
|           | H. Tân Thạnh<br>H. Thạnh Hoá<br>H. Đức Huệ     | TAND khu vực 2-Tây Ninh        | Xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh.     | Xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh                                      |         |
|           | H. Đức Hòa                                     | TAND khu vực 3-Tây Ninh        | Xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh.     | Ô số 6, khu B, xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh.                      |         |
|           | H. Bến Lức                                     | TAND khu vực 4-Tây Ninh        | Xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh        | Số 02 Mai Thị Non, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh                     |         |
|           | H. Châu Thành<br>H. Tân Trụ                    | TAND khu vực 5-Tây Ninh        | Xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh.        | Số 34 Trần Văn Giàu, xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh                    |         |
|           | H. Cần Đước                                    | TAND khu vực 6-Tây Ninh        | Xã Cần Đước, tỉnh Tây Ninh       | Quốc lộ 50, xã Cần Đước, tỉnh Tây Ninh                           |         |
|           | H. Cần Giuộc                                   | TAND khu vực 7-Tây Ninh        | Xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh.     | Số 98 Hòa Thuận 1, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh                   |         |
|           | Tx. Kiến Tường<br>H. Mộc Hoá                   | TAND khu vực 8-Tây Ninh        | Phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh | Số 103 quốc lộ 62, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh              |         |
|           | H. Tân Hưng<br>H. Vĩnh Hưng                    | TAND khu vực 9-Tây Ninh        | Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh.     | Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh                                      |         |
|           | Tx. Hòa Thành<br>H. Châu Thành<br>Tp. Tây Ninh | TAND khu vực 10-Tây Ninh       | Phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh   | Số 401 đường 30/4, khu phố số 22, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh |         |

| STT | Tỉnh/huyện                                       | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính         | Địa chỉ                                                            | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------|
| 24  | TÂY NINH                                         |                                |                              |                                                                    |         |
|     | H. Tân Biên<br>H. Tân Châu<br>H. Dương Minh Châu | TAND khu vực 11-Tây Ninh       | Xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh   | Xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh                                         |         |
|     | H. Gò Dầu<br>H. Bến Cầu<br>Tx. Trảng Bàng        | TAND khu vực 12-Tây Ninh       | Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | Đường Trần Thị Sanh, khu phố nội ô A, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh |         |





**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                       | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                        | Địa chỉ                                  | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|---------|
| <b>25</b> | <b>THÁI NGUYÊN</b>               |                                |                                             |                                          |         |
|           | Tỉnh Thái Nguyên<br>Tỉnh Bắc Kạn | TAND tỉnh Thái Nguyên          | Phường Phan Đình Phùng,<br>tỉnh Thái Nguyên | Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên |         |
|           | Tp. Thái Nguyên<br>H. Phú Bình   | TAND khu vực 1 - Thái Nguyên   | Phường Phan Đình Phùng,<br>tỉnh Thái Nguyên | Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên |         |
|           | Tp. Sông Công<br>Tp. Phổ Yên     | TAND khu vực 2 - Thái Nguyên   | Phường Phổ Yên, tỉnh<br>Thái Nguyên         | Phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên         |         |
|           | H. Đại Từ                        | TAND khu vực 3 - Thái Nguyên   | Xã Đại Phúc, tỉnh Thái<br>Nguyên            | Xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên            |         |
|           | H. Định Hóa<br>H. Phú Lương      | TAND khu vực 4 - Thái Nguyên   | Xã Phú Lương, tỉnh Thái<br>Nguyên           | Xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên           |         |
|           | H. Đồng Hỷ<br>H. Võ Nhai         | TAND khu vực 5 - Thái Nguyên   | Xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái<br>Nguyên             | Xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên             |         |
|           | Tp. Bắc Kạn<br>H. Chợ Mới        | TAND khu vực 6 - Thái Nguyên   | Phường Đức Xuân, Tỉnh<br>Thái Nguyên        | Phường Đức Xuân, Tỉnh Thái Nguyên        |         |
|           | H. Chợ Đồn<br>H. Bạch Thông      | TAND khu vực 7 - Thái Nguyên   | Xã Chợ Đồn, tỉnh Thái<br>Nguyên             | Xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên             |         |
|           | H. Ngân Sơn<br>H. Na Rì          | TAND khu vực 8 - Thái Nguyên   | Xã Na Rì, tỉnh Thái<br>Nguyên               | Xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên               |         |
|           | H. Pác Nặm<br>H. Ba Bể           | TAND khu vực 9 - Thái Nguyên   | Xã Chợ Rã, tỉnh Thái<br>Nguyên              | Xã Chợ Rã, tỉnh Thái Nguyên              |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

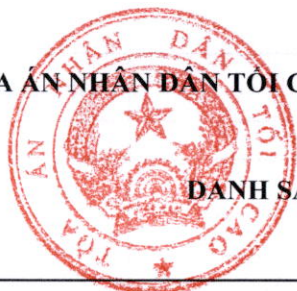
(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                   | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính             | Địa chỉ                                                 | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
| 26  | <b>THANH HÓA</b>                             |                                |                                  |                                                         |         |
|     | Tỉnh Thanh Hóa                               | TAND tỉnh Thanh Hóa            | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | Đại lộ Võ Nguyên Giáp, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá |         |
|     | TP. Thanh Hóa                                | TAND khu vực 1- Thanh Hoá      | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | Số 45 Hạc Thành, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá       |         |
|     | H. Quảng Xương<br>H. Nông Cống               | TAND khu vực 2- Thanh Hoá      | Xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá        | Số 17 Phạm Tiến Năng, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá         |         |
|     | H. Thiệu Hóa<br>H. Triệu Sơn                 | TAND khu vực 3- Thanh Hoá      | Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá     | Số 712 Lê Thái Tổ, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá         |         |
|     | H. Hoằng Hóa<br>Tp. Sầm Sơn                  | TAND khu vực 4- Thanh Hoá      | Phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá   | Số 11 Tây Sơn, phường Sầm Sơn, Thanh Hoá                |         |
|     | H. Nga Sơn<br>H. Hậu Lộc                     | TAND khu vực 5- Thanh Hoá      | Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá       | Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá                              |         |
|     | H. Hà Trung<br>Tx. Bim Sơn                   | TAND khu vực 6- Thanh Hoá      | Phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá   | Số 177 Trần Phú, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá         |         |
|     | H. Thạch Thành<br>H. Vĩnh Lộc                | TAND khu vực 7- Thanh Hoá      | Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá      | Số 141 Trịnh Khả, xã Vĩnh lộc, tỉnh Thanh hoá           |         |
|     | H. Yên Định<br>H. Thọ Xuân                   | TAND khu vực 8- Thanh Hoá      | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá      | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá                             |         |
|     | H. Như Thanh<br>Tx. Nghi Sơn                 | TAND khu vực 9- Thanh Hoá      | Phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá  | Lê Thế Sơn, tiểu khu 5, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá |         |
|     | H. Như Xuân<br>H. Thường Xuân<br>H. Ngọc Lặc | TAND khu vực 10- Thanh Hoá     | Xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá   | Số 233 Lê Lợi, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá           |         |
|     | H. Quan Sơn<br>H. Lang Chánh                 | TAND khu vực 11- Thanh Hoá     | Xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá      | Số 01 ngõ 193 Lê Thái Tổ, xã Quan Sơn, Thanh Hoá        |         |
|     | H. Bá Thước<br>H. Cẩm Thủy                   | TAND khu vực 12- Thanh Hoá     | Xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá      | Tổ dân phố Tân An, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa          |         |



| STT | Tỉnh/huyện                 | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính         | Địa chỉ                             | Ghi chú |
|-----|----------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 26  | THANH HÓA                  |                                |                              |                                     |         |
|     | H. Mường Lát<br>H.Quan Hoá | TAND khu vực 13- Thanh Hoá     | Xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá | Khu 2, xã Mường Lát, Tỉnh Thanh Hoá |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 149 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                | Địa chỉ                                                         | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|
| <b>27</b> | <b>THÀNH PHỐ CẦN THƠ</b>                       |                                |                                     |                                                                 |         |
|           | TP Cần Thơ<br>Tỉnh Sóc Trăng<br>Tỉnh Hậu Giang | TAND thành phố Cần Thơ         | Phường An Bình, thành phố Cần Thơ   | Số 17A Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, TP. Cần Thơ               |         |
|           | Q. Ninh Kiều                                   | TAND Khu vực 1 - Cần Thơ       | Phường Tân An, thành phố Cần Thơ    | Số 400 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An, TP. Cần Thơ                |         |
|           | Q. Bình Thủy<br>Q. Ô Môn                       | TAND Khu vực 2 - Cần Thơ       | Phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | Số 142 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ |         |
|           | Q. Cái Răng<br>H. Phong Điền<br>H. Thới Lai    | TAND Khu vực 3 - Cần Thơ       | Xã Phong Điền, thành phố Cần Thơ    | Ấp Nhơn Lộc 2, xã Phong Điền, TP. Cần Thơ                       |         |
|           | H. Cờ Đỏ<br>Q. Thốt Nốt<br>H. Vĩnh Thạnh       | TAND Khu vực 4 - Cần Thơ       | Xã Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ         | Ấp Thới Hòa, xã Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ                              |         |
|           | Tp. Sóc Trăng                                  | TAND Khu vực 5 - Cần Thơ       | Phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ   | Số 82 Phan Chu Trinh, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ               |         |
|           | H. Châu Thành<br>H. Mỹ Tú                      | TAND Khu vực 6 - Cần Thơ       | Xã Phú Tân, thành phố Cần Thơ       | Ấp Trà Quýt A, xã Phú Tân, TP. Cần Thơ                          |         |
|           | Tx. Ngã Năm<br>H. Thạnh Trị                    | TAND Khu vực 7 - Cần Thơ       | Phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ   | Phường Ngã Năm, TP. Cần Thơ                                     |         |
|           | H. Mỹ Xuyên<br>Tx. Vĩnh Châu                   | TAND Khu vực 8 - Cần Thơ       | Xã Hòa Tú, thành phố Cần Thơ        | Ấp Hòa Phương, xã Hòa Tú, TP. Cần Thơ                           |         |
|           | H. Trần Đề<br>H. Long Phú<br>H. Cù Lao Dung    | TAND Khu vực 9 - Cần Thơ       | Xã Long Phú, thành phố Cần Thơ      | Ấp 4, xã Long Phú, TP. Cần Thơ                                  |         |



| STT | Tỉnh/huyện                       | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính               | Địa chỉ                                            | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 27  | THÀNH PHỐ CẦN THƠ                |                                |                                    |                                                    |         |
|     | H. Kế Sách                       | TAND Khu vực 10 - Cần Thơ      | Xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ      | Đường 3/2 ấp An Thành, xã Kế Sách, TP. Cần Thơ     |         |
|     | Tp. Vị Thanh<br>H. Vị Thủy       | TAND Khu vực 11 - Cần Thơ      | Phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ | Số 151 Trần Ngọc Quế, phường Vị Thanh, TP. Cần Thơ |         |
|     | Long Mỹ<br>Tx. Long Mỹ           | TAND Khu vực 12 - Cần Thơ      | Xã Vĩnh Viễn, thành phố Cần Thơ    | Ấp 1, xã Vĩnh Viễn, TP. Cần Thơ.                   |         |
|     | Tp. Ngã Bảy<br>H. Phụng Hiệp     | TAND Khu vực 13 - Cần Thơ      | Xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ    | Ấp Mỹ Lợi, xã Hiệp Hưng, TP. Cần Thơ               |         |
|     | H. Châu Thành<br>H. Châu Thành A | TAND Khu vực 14 - Cần Thơ      | Xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ   | Ấp thị trấn, xã Châu Thành, TP. Cần Thơ            |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

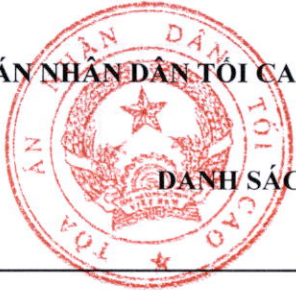
(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                                   | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                   | Địa chỉ                                                     | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------|
| <b>28</b> | <b>THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b>                     |                                |                                        |                                                             |         |
|           | Thành phố Đà Nẵng<br>Thành phố Quảng Nam     | TAND thành phố Đà Nẵng         | Phường Hòa Cường,<br>thành phố Đà Nẵng | Số 374 Núi Thành, Phường Hoà Cường, TP. Đà Nẵng             |         |
|           | Q. Hải Châu                                  | TAND khu vực 1 - Đà Nẵng       | Phường Hòa Cường,<br>thành phố Đà Nẵng | Số 344A Lê Thanh Nghị, phường Hoà Cường, TP. Đà Nẵng        |         |
|           | Q. Ngũ Hành Sơn<br>Q. Sơn Trà<br>H. Hoàng Sa | TAND khu vực 2 - Đà Nẵng       | Phường An Hải, thành<br>phố Đà Nẵng    | Số 25 Hà Thị Thân, phường An Hải, TP. Đà Nẵng               |         |
|           | Q. Cẩm Lệ<br>Q. Thanh Khê                    | TAND khu vực 3 - Đà Nẵng       | Phường Thanh Khê,<br>thành phố Đà Nẵng | Số 48 Trần Xuân Lê, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng           |         |
|           | H. Hòa Vang<br>Q. Liên Chiểu                 | TAND khu vực 4 - Đà Nẵng       | Phường Hoà Khánh,<br>thành phố Đà Nẵng | Số 2 Trương Văn Đa, phường Hoà Khánh, TP. Đà Nẵng           |         |
|           | Tp. Tam Kỳ<br>H. Núi Thành                   | TAND khu vực 5 - Đà Nẵng       | Phường Bàn Thạch,<br>thành phố Đà Nẵng | Số 156 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch, TP. Đà Nẵng         |         |
|           | H. Thăng Bình<br>H. Quế Sơn                  | TAND khu vực 6 - Đà Nẵng       | Xã Thăng Bình, thành<br>phố Đà Nẵng.   | Số 144 đường 3/2, xã Thăng Bình, TP. Đà Nẵng                |         |
|           | H. Phú Ninh<br>H. Tiên Phước                 | TAND khu vực 7 - Đà Nẵng       | Xã Chiên Đàn, thành<br>phố Đà Nẵng     | Số 7 Nguyễn Tất Thành, xã Chiên Đàn, TP. Đà Nẵng            |         |
|           | H. Bắc Trà My<br>H. Nam Trà My               | TAND khu vực 8 - Đà Nẵng       | Xã Trà My, thành phố<br>Đà Nẵng.       | Số 119 Nguyễn Văn Linh, tổ Đồng Bàu, xã Trà My, TP. Đà Nẵng |         |
|           | H. Phước Sơn<br>H. Hiệp Đức                  | TAND khu vực 9 - Đà Nẵng       | Xã Hiệp Đức, thành phố<br>Đà Nẵng      | Số 194 Hùng Vương, xã Hiệp Đức, TP. Đà Nẵng                 |         |
|           | H. Duy Xuyên<br>Tx. Điện Bàn<br>Tp. Hội An   | TAND khu vực 10 - Đà Nẵng      | Phường Điện Bàn,<br>thành phố Đà Nẵng  | Số 20 Hoàng Diệu, phường Điện Bàn, TP. Đà Nẵng              |         |
|           | H. Nam Giang<br>H. Đại Lộc                   | TAND khu vực 11 - Đà Nẵng      | Xã Đại Lộc, thành phố<br>Đà Nẵng       | Thôn Quảng Huế, xã Đại Lộc, TP. Đà Nẵng                     |         |



| STT | Tỉnh/huyện                    | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính             | Địa chỉ                                                   | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 28  | THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG             |                                |                                  |                                                           |         |
|     | H. Tây Giang<br>H. Đông Giang | TAND khu vực 12 - Đà Nẵng      | Xã Đông Giang, thành phố Đà Nẵng | Số 168 Hồ Chí Minh, thôn Gừng, xã Đông Giang, TP. Đà Nẵng |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện              | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                | Địa chỉ                                                                           | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>29</b> | <b>THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b> |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | Thành phố Hà Nội        | TAND thành phố Hà Nội          | Phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội | Số 1 Phạm Tu, phường Hoàng Liệt, TP. Hà Nội                                       |         |
|           | Q. Ba Đình              | TAND Khu vực 1 - Hà Nội        | Phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội   | Số 53 Linh Lang, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội.                                     |         |
|           | Q. Tây Hồ               |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | Q. Hoàn Kiếm            |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | Q. Đống Đa              | TAND Khu vực 2 - Hà Nội        | Phường Láng, thành phố Hà Nội       | Số 30 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, TP. Hà Nội                                   |         |
|           | Q. Thanh Xuân           |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | Q. Hoàng Mai            | TAND Khu vực 3 - Hà Nội        | Phường Thịnh Liệt, thành phố Hà Nội | Số 6 Bùi Huy Bích, phường Thịnh Liệt, TP. Hà Nội                                  |         |
|           | Q. Hai Bà Trưng         |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | Q. Nam Từ Liêm          | TAND Khu vực 4 - Hà Nội        | Phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội   | Số 6 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội                                 |         |
|           | Q. Bắc Từ Liêm          |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | Q. Cầu Giấy             |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Gia Lâm              | TAND Khu vực 5 - Hà Nội        | Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội  | Lô HH03 khu đô thị Việt Hưng, phường Việt Hưng, TP. Hà Nội                        |         |
|           | Q. Long Biên            |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Chương Mỹ            | TAND Khu vực 6 - Hà Nội        | Phường Hà Đông, thành phố Hà Nội    | Lô VIII thửa 16 khu trung tâm hành chính quận Hà Đông, phường Hà Đông, TP. Hà Nội |         |
|           | Q. Hà Đông              |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Thanh Oai            |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Mê Linh              | TAND Khu vực 7 - Hà Nội        | Xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội     | Đường 23B, xã Phúc Thịnh, TP. Hà Nội                                              |         |
|           | H. Sóc Sơn              |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Đông Anh             |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Hoài Đức             | TAND Khu vực 8 - Hà Nội        | Xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội     | Số 83 Tây Sơn, xã Đan Phượng, TP. Hà Nội                                          |         |
|           | H. Đan Phượng           |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Phúc Thọ             |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Ba Vì                | TAND Khu vực 9 - Hà Nội        | Phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội    | Số 41 Đinh Tiên Hoàng, phường Sơn Tây, TP. Hà Nội                                 |         |
|           | Tx. Sơn Tây             |                                |                                     |                                                                                   |         |
|           | H. Thạch Thất           | TAND Khu vực 10 - Hà Nội       | Xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội     | Số 208 Chi Quan, xã Thạch Thất, TP. Hà Nội                                        |         |
|           | H. Quốc Oai             |                                |                                     |                                                                                   |         |



| STT | Tỉnh/huyện       | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính           | Địa chỉ                                | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 29  | THÀNH PHỐ HÀ NỘI |                                |                                |                                        |         |
|     | H. Thanh Trì     | TAND Khu vực 11 - Hà Nội       | Xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội | Vũ Lăng, xã Thanh Trì, TP. Hà Nội      |         |
|     | H. Thường Tín    |                                |                                |                                        |         |
|     | H. Phú Xuyên     | TAND Khu vực 12 - Hà Nội       | Xã Vân Đình, thành phố Hà Nội  | Số 3 Hoàng Xá, xã Vân Đình, TP. Hà Nội |         |
|     | H. Mỹ Đức        |                                |                                |                                        |         |
|     | H. Ứng Hòa       |                                |                                |                                        |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

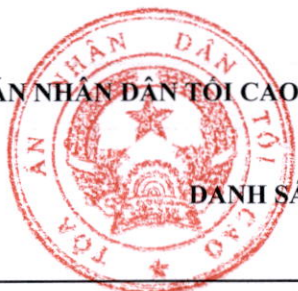
(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                 | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                      | Địa chỉ                                                      | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| 30  | THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG                        |                                |                                           |                                                              |         |
|     | Thành phố Hải Phòng<br>Tỉnh Hải Dương      | TAND thành phố Hải Phòng       | Phường Hải An, thành phố Hải Phòng        | Số 5 lô 18A Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP. Hải Phòng      |         |
|     | Tp. Thủy Nguyên                            | TAND khu vực 1- Hải Phòng      | Phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng   | Phường Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng                            |         |
|     | Q. An Dương<br>H. An Lão                   | TAND khu vực 2- Hải Phòng      | Phường An Dương, thành phố Hải Phòng      | Số 7 đường 351, phường An Dương, TP. Hải Phòng               |         |
|     | Q. Ngô Quyền<br>Q. Hồng Bàng               | TAND khu vực 3- Hải Phòng      | Phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng     | Số 991 đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |         |
|     | H. Bạch Long Vĩ<br>H. Cát Hải<br>Q. Hải An | TAND khu vực 4- Hải Phòng      | Phường Hải An, thành phố Hải Phòng        | Đường Trần Hoàn, phường Hải An, TP. Hải Phòng                |         |
|     | Q. Kiến An<br>Q. Lê Chân                   | TAND khu vực 5- Hải Phòng      | Phường An Biên, thành phố Hải Phòng       | Phường An Biên, TP. Hải Phòng                                |         |
|     | Q. Dương Kinh<br>Kiến Thụy<br>Q. Đồ Sơn    | TAND khu vực 6- Hải Phòng      | Xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng         | Khu Thợ Xuân, xã Kiến Thụy, TP. Hải Phòng                    |         |
|     | H. Tiên Lãng<br>H. Vĩnh Bảo                | TAND khu vực 7 - Hải Phòng     | Xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng          | Đường 20/8, xã Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng                       |         |
|     | TP. Hải Dương<br>H. Thanh Hà               | TAND khu vực 8 - Hải Phòng     | Phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng    | Số 60 Nguyễn Lương Bằng, phường Thành Đông, TP. Hải Phòng    |         |
|     | H. Nam Sách<br>Tp. Chí Linh                | TAND khu vực 9, Hải Phòng      | Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng | Số 181 Trần Nguyên Đán, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng  |         |
|     | H. Kim Thành<br>Tx. Kinh Môn               | TAND khu vực 10- Hải Phòng     | Phường Kinh Môn, thành phố Hải Phòng      | Số 132 Trần Hưng Đạo, phường Kinh Môn, TP. Hải Phòng         |         |
|     | H. Gia Lộc<br>H. Tứ Kỳ                     | TAND khu vực 11- Hải Phòng     | Xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng             | Đường Tây Nguyên, xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng                    |         |



| STT | Tỉnh/huyện                     | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                | Địa chỉ                                                | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
| 30  | THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG            |                                |                                     |                                                        |         |
|     | H. Bình Giang<br>H. Cẩm Giàng  | TAND khu vực 12- Hải Phòng     | Phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng | Lai Cách, phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng                |         |
|     | H. Thanh Miện<br>H. Ninh Giang | TAND khu vực 13- Hải Phòng     | Xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng  | Số 132 Nguyễn Lương Bằng, xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng |         |

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                   | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                    | Địa chỉ                                                       | Ghi chú |
|-----------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
| <b>31</b> | <b>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Thành phố Hồ Chí Minh        | TAND Thành phố Hồ Chí Minh     | Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh | Số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh   |         |
|           | Tỉnh Bình Dương              |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu         |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Quận 3                       | TAND khu vực 1- TP Hồ Chí Minh | Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh   | Số 6 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh             |         |
|           | Quận 1                       |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Quận 4                       |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Tp. Thủ Đức                  | TAND khu vực 2- TP Hồ Chí Minh | Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh   | Số 1400 Đồng Văn Cống, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh        |         |
|           | Quận 5                       | TAND khu vực 3- TP Hồ Chí Minh | Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh   | Số 642 Nguyễn Trãi, phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh           |         |
|           | Quận 6                       |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Quận 11                      |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Quận 10                      | TAND khu vực 4- TP Hồ Chí Minh | Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh | Số 27 Thành Thái, phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh           |         |
|           | Q. Tân Bình                  |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Q. Bình Thạnh                | TAND khu vực 5- TP Hồ Chí Minh | Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh  | Số 453- 455 - 457 Bạch Đằng, phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh |         |
|           | Q. Phú Nhuận                 |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Quận 7                       | TAND khu vực 6- TP Hồ Chí Minh | Xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh        | Số 424A Nguyễn Bình, ấp 3, xã Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh         |         |
|           | H. Nhà Bè                    |                                |                                         |                                                               |         |
|           | H. Cần Giuộc                 |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Q. Gò Vấp                    | TAND khu vực 7- TP Hồ Chí Minh | Phường An Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh   | Số 416/2 Dương Quảng Hàm, phường An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh     |         |
|           | Quận 12                      |                                |                                         |                                                               |         |
|           | H.Củ Chi                     | TAND khu vực 8- TP Hồ Chí Minh | Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh    | Số 77B, tỉnh lộ 8, xã Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh             |         |
|           | H. Hóc Môn                   |                                |                                         |                                                               |         |
|           | Q.Tân Phú                    | TAND khu vực 9- TP Hồ Chí Minh | Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh    | Số 422/1 Hồ Học Lãm, phường An Lạc, TP. Hồ Chí Minh           |         |
|           | Q. Bình Tân                  |                                |                                         |                                                               |         |



| STT | Tỉnh/huyện                      | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp  | Nơi đặt trụ sở chính                      | Địa chỉ                                                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| 31  | <b>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>    |                                 |                                           |                                                                      |         |
|     | H. Bình Chánh<br>Quận 8         | TAND khu vực 10- TP Hồ Chí Minh | Xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh        | Số 4 đường số 3, trung tâm hành chính, xã Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh  |         |
|     | Tp. Vũng Tàu<br>H. Côn Đảo      | TAND khu vực 11- TP Hồ Chí Minh | Phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh | Số 989 đường 2/9, phường Phước Thắng, TP. Hồ Chí Minh                |         |
|     | Tx. Phú Mỹ<br>Tp. Bà Rịa        | TAND khu vực 12- TP Hồ Chí Minh | Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh      | Số 539 Phạm Văn Đồng, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh                 |         |
|     | H. Long Đất                     | TAND khu vực 13- TP Hồ Chí Minh | Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh       | Quốc lộ 55, khu phố Long Sơn, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh          |         |
|     | H. Châu Đức<br>H. Xuyên Mộc     | TAND khu vực 14- TP Hồ Chí Minh | Xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh       | Số 367 Hùng Vương, xã Ngãi Giao, TP. Hồ Chí Minh                     |         |
|     | Tp. Thủ Dầu Một                 | TAND khu vực 15- TP Hồ Chí Minh | Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh | Số 471 đại lộ Bình Dương, phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh        |         |
|     | Tp. Thuận An<br>Tp. Dĩ An       | TAND khu vực 16- TP Hồ Chí Minh | Phường Lái Thiêu, thành phố Hồ Chí Minh   | Nguyễn Văn Tiết, khu phố Bình Hòa, phường Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh |         |
|     | Tp. Tân Uyên<br>H. Bắc Tân Uyên | TAND khu vực 17- TP Hồ Chí Minh | Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh    | Đường ĐT 747, phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh                       |         |
|     | Tp. Bến Cát<br>H. Dầu Tiếng     | TAND khu vực 18- TP Hồ Chí Minh | Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh     | Số 344 quốc lộ 13, phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh                   |         |
|     | H. Bàu Bàng<br>H. Phú Giáo      | TAND khu vực 19- TP Hồ Chí Minh | Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh        | Đường N5, xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh.                              |         |



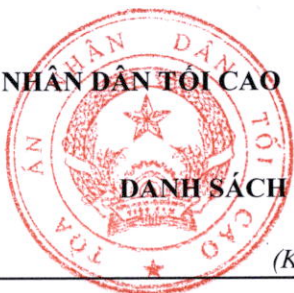
DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Kèm theo Quyết định số 114 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT | Tỉnh/huyện                                   | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính               | Địa chỉ                                          | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
| 32  | THÀNH PHỐ HUẾ                                |                                |                                    |                                                  |         |
|     | Thành phố Huế                                | TAND thành phố Huế             | Thành phố Huế                      | Số 11 Tôn Đức Thắng, phường Thuận Hóa, TP. Huế   |         |
|     | H. Phú Vang<br>Q. Thuận Hóa                  | TAND khu vực 1 - Huế           | Phường Thuận Hóa,<br>thành phố Huế | Số 60 Nguyễn Huệ, phường Thuận Hoá, TP. Huế      |         |
|     | H. Quảng Điền<br>Q. Phú Xuân                 | TAND khu vực 2 - Huế           | Phường Phú Xuân,<br>thành phố Huế  | Số 394 Đinh Tiên Hoàng, phường Phú Xuân, TP. Huế |         |
|     | H. A Lưới<br>Tx. Hương Trà<br>Tx. Phong Điền | TAND khu vực 3 - Huế           | Phường Tứ Hạ, thành<br>phố Huế     | Số 5 Độc lập, phường Tứ Hạ, TP. Huế              |         |
|     | Tx. Hương Thủy<br>H. Phú Lộc                 | TAND khu vực 4 - Huế           | Xã Phú Lộc, thành phố<br>Huế       | Số 56 Lý Thánh Tông, phường Phú Lộc, TP. Huế     |         |



## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số 1149 /QĐ-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                                    | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                   | Địa chỉ                                                                   | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>33</b> | <b>TUYÊN QUANG</b>                            |                                |                                        |                                                                           |         |
|           | Tỉnh Hà Giang<br>Tỉnh Tuyên Quang             | TAND tỉnh Tuyên Quang          | Phường Minh Xuân, tỉnh<br>Tuyên Quang  | Số 435 đường 17/8, tổ Phan Thiết 2, phường Minh Xuân, tỉnh<br>Tuyên Quang |         |
|           | H. Yên Sơn<br>Tp. Tuyên Quang<br>H. Sơn Dương | TAND khu vực 1-Tuyên Quang     | Phường Minh Xuân, tỉnh<br>Tuyên Quang  | Số 297 Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang                    |         |
|           | H. Hàm Yên<br>H. Chiêm Hóa                    | TAND khu vực 2-Tuyên Quang     | Xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên<br>Quang        | Tổ dân phố Tân Tiến, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang                         |         |
|           | H. Lâm Bình<br>H. Na Hang                     | TAND khu vực 3-Tuyên Quang     | Xã Nà Hang, tỉnh Tuyên<br>Quang        | Thôn 3, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang                                      |         |
|           | H. Vị Xuyên<br>Thành phố Hà Giang             | TAND khu vực 4-Tuyên Quang     | Phường Hà Giang 2,<br>tỉnh Tuyên Quang | Số 196 Trần Phú, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang                      |         |
|           | H. Bắc Quang<br>H. Quang Bình                 | TAND khu vực 5-Tuyên Quang     | Xã Bắc Quang, tỉnh<br>Tuyên Quang      | Số 433 Trường chinh, tổ 3, xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang                 |         |
|           | H. Hoàng Su Phì<br>H. Xín Mần                 | TAND khu vực 6-Tuyên Quang     | Xã Hoàng Su Phì, tỉnh<br>Tuyên Quang   | Tổ 3, xã Hoàng Su Phì, tỉnh Tuyên Quang                                   |         |
|           | H. Bắc Mê<br>H. Quản Bạ                       | TAND khu vực 7-Tuyên Quang     | Xã Quản Bạ, tỉnh Tuyên<br>Quang        | Tổ 3, xã Quản Bạ, tỉnh Tuyên Quang                                        |         |
|           | H. Đồng Văn<br>H. Mèo Vạc<br>H. Yên Minh      | TAND khu vực 8-Tuyên Quang     | Xã Đồng Văn, tỉnh<br>Tuyên Quang       | Số 01 Sùng Dúng Lù, tổ 6, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang                   |         |



## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO



**DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC  
SAU SẮP XẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Kèm theo Quyết định số *MP* /QĐ-TANDTC ngày *01* tháng *1* năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

| STT       | Tỉnh/huyện                                      | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính                 | Địa chỉ                                                          | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>34</b> | <b>VĨNH LONG</b>                                |                                |                                      |                                                                  |         |
|           | Tỉnh Vĩnh Long<br>Tỉnh Trà Vinh<br>Tỉnh Bến Tre | TAND tỉnh Vĩnh Long            | Phường Phước Hậu,<br>tỉnh Vĩnh Long  | Số 500 Khóm Phước Ngươn A, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long      |         |
|           | Tp. Vĩnh Long<br>H. Long Hồ                     | TAND khu vực 1 - Vĩnh Long     | Phường Thanh Đức, tỉnh<br>Vĩnh Long  | Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                                 |         |
|           | H. Tam Bình<br>H. Mang Thít                     | TAND khu vực 2 - Vĩnh Long     | Xã Tam Bình, tỉnh Vĩnh<br>Long.      | Đường Phan Văn Đáng, khóm 1, xã Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long         |         |
|           | H. Bình Tân<br>Tx. Bình Minh                    | TAND khu vực 3 - Vĩnh Long     | Phường Bình Minh, tỉnh<br>Vĩnh Long  | Đường Nguyễn Văn Thành, khóm 5, phường Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long |         |
|           | H. Trà Ôn<br>H. Vũng Liêm                       | TAND khu vực 4 - Vĩnh Long     | Xã Trung Thành, tỉnh<br>Vĩnh Long    | Số 154 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, khóm 2, xã Trung Thành, tỉnh Vĩnh Long |         |
|           | H. Châu Thành<br>Tp. Bến Tre                    | TAND khu vực 5 - Vĩnh Long     | Xã Bến Tre, tỉnh Vĩnh<br>Long        | Số 405E Đồng Văn Cống, Phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long            |         |
|           | H. Chợ Lách<br>H. Mỏ Cày Bắc                    | TAND khu vực 6 - Vĩnh Long     | Xã Phước Mỹ Trung,<br>tỉnh Vĩnh Long | Ấp Phước Khánh, xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long                |         |
|           | H. Giồng Trôm                                   | TAND khu vực 7 - Giồng Trôm    | Xã Giồng Trôm, tỉnh<br>Vĩnh Long     | Ấp Bình An, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long                        |         |
|           | H. Ba Tri<br>H. Bình Đại                        | TAND khu vực 8 - Vĩnh Long     | Xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh<br>Long         | Ấp An Hoà, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long                             |         |
|           | H. Mỏ Cày Nam<br>H. Thạnh Phú                   | TAND khu vực 9 - Vĩnh Long     | Xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh<br>Long         | Khu phố 7, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long                             |         |
|           | Tp. Trà Vinh<br>H. Châu Thành                   | TAND khu vực 10 - Vĩnh Long    | Phường Trà Vinh, tỉnh<br>Vĩnh Long   | Số 197 Phạm Hồng Thái, khóm 3, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long   |         |
|           | H. Càng Long                                    | TAND khu vực 11 - Vĩnh Long    | Xã Càng Long, tỉnh<br>Vĩnh Long      | Khóm 4, xã Càng Long, tỉnh Vĩnh Long                             |         |

| STT | Tỉnh/huyện                    | Tên gọi đơn vị sau khi sắp xếp | Nơi đặt trụ sở chính        | Địa chỉ                                | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|---------|
| 34  | VĨNH LONG                     |                                |                             |                                        |         |
|     | H. Tiểu Cần<br>H. Cầu Kè      | TAND khu vực 12 - Vĩnh Long    | Xã Tiểu Cần, tỉnh Vĩnh Long | Khóm 2, xã Tiểu Cần, tỉnh Vĩnh Long    |         |
|     | H. Trà Cú<br>H. Cầu Ngang     | TAND khu vực 13 - Vĩnh Long    | Xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long   | Khóm 5, xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long      |         |
|     | H. Duyên Hải<br>Tx. Duyên Hải | TAND khu vực 14 - Vĩnh Long    | Xã Ngũ Lạc, tỉnh Vĩnh Long  | Ấp Mé Láng, xã Ngũ Lạc, tỉnh Vĩnh Long |         |